

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC
MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến
ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 27



CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 9 ngày 11/10/2013; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 25/05/2012.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty bao gồm:

- *Kinh doanh nhà xưởng, văn phòng làm việc;*
- *Kinh doanh kho bãi;*
- *Gia công các sản phẩm may mặc.*

Công ty có trụ sở chính tại số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Ông Đinh Văn Tông | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Ngọc Phán | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Như Lâm | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Vũ Văn Thiều | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Thị Bích Mùi | Ủy viên Hội đồng quản trị |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| - Ông Vũ Văn Thiều | Tổng Giám đốc |
| - Bà Lê Kim Hoa | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Bích Mùi | Phó Tổng Giám đốc |

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KỲ TÀI CHÍNH

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Theo Biên bản họp số 05/BB – HĐQT ngày 09/06/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc (công ty mẹ), Công ty mẹ đang có kế hoạch bán Công ty con nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa bán được.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



VŨ VĂN THIỆU

Tổng Giám đốc

Số: 226/2014/BCSX - BDO

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc, được lập ngày 13/08/2014 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 "Công tác soát xét Báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đã điều chỉnh kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Báo cáo kiểm toán số: 055/VACO/BCKT.NV2 phát hành ngày 20/03/2014 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất.



MAI LAN PHƯƠNG
Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHNKT số: 0077-2013-038-1

NGUYỄN QUỲNH TRANG
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHNKT số: 1469-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.145.126.409	27.990.121.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.124.500.939	21.264.236.503
1. Tiền	111		3.034.500.939	3.774.236.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.090.000.000	17.490.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.060.068.074	4.362.756.332
1. Phải thu khách hàng	131		1.802.969.462	3.474.232.752
2. Trả trước cho người bán	132		97.440.000	222.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	159.658.612	666.123.580
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.697.938.601	1.507.315.624
1. Hàng tồn kho	141	V.3	1.952.595.807	1.853.173.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(254.657.206)	(345.857.938)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.262.618.795	855.812.704
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		218.646.978	128.631.976
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.823.386	36.293.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	10.518.431	492.957.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.029.630.000	197.930.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.856.829.109	58.667.654.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	55.943.264.340	57.177.581.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221		55.943.264.340	57.177.581.741
- Nguyên giá	222		88.489.621.925	88.089.541.925
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.546.357.585)	(30.911.960.184)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.913.564.769	1.490.073.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	2.913.564.769	1.490.073.098
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		93.001.955.518	86.657.776.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.418.903.698	19.873.992.872
I. Nợ ngắn hạn	310		25.418.903.698	19.786.720.144
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		2.269.103.661	3.990.692.973
3. Người mua trả tiền trước	313		288.849.324	64.535.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	17.676.424.331	9.878.606.355
5. Phải trả người lao động	315		273.358.513	1.287.432.182
6. Chi phí phải trả	316	V.8	50.948.333	175.756.255
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	4.414.772.967	3.800.037.680
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		445.446.569	589.659.375
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	87.272.728
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	87.272.728
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.583.051.820	66.783.783.130
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	67.583.051.820	66.783.783.130
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.932.018.600	3.932.018.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.229.538.136	3.104.538.136
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.392.095.084	2.717.826.394
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		93.001.955.518	86.657.776.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Tiếp theo)

C CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NH	THUYẾT MINH	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	2.543,88	2.479,67
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIẾU

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11	23.794.988.976	26.047.432.869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.11	23.794.988.976	26.047.432.869
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.12	12.977.413.297	16.107.345.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.817.575.679	9.940.087.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	747.631.434	849.851.461
7. Chi phí tài chính	22	VI.14	-	101.520.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.034.930.961	1.367.799.666
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.274.353.481	4.616.435.033
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.255.922.671	4.704.184.220
11. Thu nhập khác	31		2.093.283.115	1.693.353.424
12. Chi phí khác	32		1.959.602.606	1.713.163.164
13. Lợi nhuận khác	40		133.680.509	(19.809.740)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.389.603.180	4.684.374.480
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.15	997.508.096	1.226.642.505
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.392.095.084	3.457.731.975
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.392.095.084	3.457.731.975
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.17	595	606

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BÍCH MÚI
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIẾU
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28.276.616.099	27.752.810.067
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(8.652.220.406)	(7.900.349.411)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.504.637.877)	(5.944.050.746)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(6.142.966.760)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.916.501.529	2.521.637.106
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.428.110.851)	(7.974.637.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.608.148.494	2.312.442.456
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(400.080.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	688.665.322	816.319.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	288.585.322	816.319.517
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.036.469.380)	(5.488.026.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.036.469.380)	(5.488.026.800)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	7.860.264.436	(2.359.264.827)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.264.236.503	18.005.490.451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.124.500.939	15.646.225.624

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIỀU
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 9 ngày 11/10/2013; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 25/05/2012.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ ăn uống khác: Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Bán buôn đồ dùng gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng; Kinh doanh giấy văn phòng phẩm;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Xây dựng kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất hàng dệt, may, bông, vải, sợi, hàng đồ da và giả da;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Chi tiết: Sản xuất thuốc nhuộm hóa chất;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu, phụ kiện, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông; Chi tiết: Kinh doanh hàng điện máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống; Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị nông, lâm sản, thực phẩm, thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc và 01 công ty con, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Xi nghiệp xây dựng	Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO	Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)	Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**I. THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)****Cơ cấu tổ chức (Tiếp theo)**Công ty con:

Công ty TNHH MTV May mặc vải sợi Miền Bắc II được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000132 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2005, với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH MTV May mặc vải sợi Miền Bắc II bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Công ty có trụ sở tại 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30/06/2014, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Công ty có trụ sở chính tại số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2014, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 280 người, trong đó cán bộ quản lý là 15 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con do công ty mẹ nắm quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư 210/2009/TT – BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 - 06 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước (tiếp theo)**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 – 36 tháng, chi phí đề án môi trường và nước thải được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 đến 36 tháng và khoản chi phí sửa chữa, xây dựng của Cửa hàng Paloma được định giá theo giá trị thị trường theo chứng thư xác định giá trị doanh nghiệp số 474/14/CT.SACC của Công ty cổ phần Tư vấn và thẩm định giá Đông Nam ban hành ngày 07/05/2014. *(Chi phí này do đối tác của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh bỏ ra sửa chữa, Công ty thuê định giá để trả lại cho đối tác theo giá thị trường).*

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm cháy nổ và công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bỏ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Chi phí phải trả tại ngày 30/06/2014 bao gồm chi phí hoa hồng môi giới và chi phí đăng báo bán Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc Miền Bắc II.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Số dư cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định, cụ thể như sau:

Phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- Trích 5% vào Quỹ dự phòng tài chính;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành 18%;
- Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 13,8% trên vốn điều lệ.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu (Tiếp theo)**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán vải được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thuê kho, doanh thu kinh doanh nhà hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu gia công

Doanh thu gia công hàng may mặc được ghi nhận khi hàng gia công được bàn giao cho bên thuê gia công. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản hàng gia công hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, khoản lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh và các khoản thu nhập từ tiền bán điện cho các đơn vị thuê kho và văn phòng. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo biên bản phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh giữa 02 bên. Thu nhập từ bán điện cho các đơn vị thuê kho và văn phòng được ghi nhận căn cứ vào số điện tiêu thụ có sự xác nhận của 02 bên và đơn giá tiền điện theo quy định của Nhà nước.

ThuếThuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (22%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu và trình bàyTài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/06/2014	01/01/2014
Tiền mặt tại quỹ	(i)	365.907.020	455.722.829
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	2.668.593.919	3.318.513.674
Các khoản tương đương tiền	(iii)	26.090.000.000	17.490.000.000
Cộng		29.124.500.939	21.264.236.503

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2014 bao gồm:

	VND
+ Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc	94.350.826
+ Công ty TNHH MTV Vải sợi miền Bắc II	271.556.194
Cộng	365.907.020

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2014 bao gồm:

	USD	VND
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam		2.615.166.679
- Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc	-	2.430.471.218
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	2.181.139.397
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	161.091.384
+ Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	-	30.348.858
+ Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam	-	57.891.579
- Công ty TNHH MTV Vải sợi miền Bắc II	-	184.695.461
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - CN Phú Nhuận	-	2.436.630
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	-	182.258.831
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	2.543,88	53.427.240
- Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc	2.474,12	52.163.513
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.360,86	28.690.450
+ Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	557,88	11.762.900
+ Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam	555,38	11.710.163
- Công ty TNHH MTV Vải sợi miền Bắc II	69,76	1.263.727
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	69,76	1.263.727
Cộng	2.543,88	2.668.593.919

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2014 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 5% - 6%/năm

	VND
- Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc	25.290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	11.290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	1.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Vải sợi miền Bắc II	800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	800.000.000
Cộng	26.090.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
Phải thu khác	159.658.612	666.123.580
+ Lãi tiền gửi ngân hàng	58.966.112	49.662.221
+ Công ty cổ phần Trường Hà	-	471.419.359
+ CN Công ty cổ phần Thành Đô tại Hà Nội	-	84.631.000
+ Tạm ứng chi phí bán công ty TNHH MTV Vải sợi Miền Bắc II	41.768.500	-
+ Phải thu khác	58.924.000	60.411.000
Cộng	159.658.612	666.123.580

3. Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	41.702.830	40.297.897
Công cụ dụng cụ trong kho	1.060.000	2.849.046
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm tồn kho	311.844.085	257.832.219
Hàng hoá tồn kho	1.597.988.892	1.552.194.400
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Tổng giá trị của hàng tồn kho	1.952.595.807	1.853.173.562
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(i) (254.657.206)	(345.857.938)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	1.697.938.601	1.507.315.624

(i) Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	(345.857.938)	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(345.857.938)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	91.200.732	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	(254.657.206)	(345.857.938)

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.518.431	492.957.674
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	10.518.431	492.957.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	78.554.667.071	2.931.354.659	2.835.215.705	109.075.040	3.659.229.450	88.089.541.925
Mua trong kỳ	-	-	360.000.000	-	40.080.000	400.080.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	78.554.667.071	2.931.354.659	3.195.215.705	109.075.040	3.699.309.450	88.489.621.925
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	23.638.904.255	2.931.354.659	2.300.103.329	109.075.040	1.932.522.901	30.911.960.184
Khấu hao trong kỳ	1.383.042.094	-	93.727.819	-	157.627.488	1.634.397.401
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	25.021.946.349	2.931.354.659	2.393.831.148	109.075.040	2.090.150.389	32.546.357.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	54.915.762.816	-	535.112.376	-	1.726.706.549	57.177.581.741
Tại ngày 30/06/2014	53.532.720.722	-	801.384.557	-	1.609.159.061	55.943.264.340

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 8.249.358.164 đồng
 Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: - đồng
 Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố cho vay: - đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.414.943.948	1.335.682.990
Giá trị công cụ dụng cụ	-	7.949.335
Chi phí đề án môi trường và nước thải	100.793.821	146.440.773
CF sửa chữa và xây dựng cửa hàng Paloma xác định theo giá thị trường theo chứng thư thẩm định giá	1.397.827.000	-
Cộng	<u>2.913.564.769</u>	<u>1.490.073.098</u>

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế giá trị gia tăng	55.316.689	169.243.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	515.068.853	-
Thuế thu nhập cá nhân	46.030.925	29.792.731
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	17.060.007.864	9.679.570.338
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>17.676.424.331</u>	<u>9.878.606.355</u>

8. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Trích trước tiền điện năm 2013	-	170.956.255
Chi phí hoa hồng	46.148.333	-
Chi phí quảng cáo bán Công ty TNHH MTV Vải sợi Miền Bắc II	4.800.000	4.800.000
Cộng	<u>50.948.333</u>	<u>175.756.255</u>

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	18.627.486
Kinh phí công đoàn	62.854.635	66.986.350
Bảo hiểm xã hội	256.588.214	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	1.964.458.316	2.102.434.362
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.118.508.741	1.611.989.482
+ Phải trả tiền thuê đất năm 2013	-	1.456.236.057
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	131.661.820	-
+ Tiền thuê đất được miễn giảm 2013 phải trả Trường Hà	408.151.700	-
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	158.455.751	155.753.425
+ Trích tiền điện tháng 6/2014	22.412.470	-
+ Khoản phải trả cho Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung tiền sửa chữa và xây dựng cửa hàng Paloma theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.397.827.000	-
Cộng	<u>4.414.772.967</u>	<u>3.800.037.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****10. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	57.029.400.000	-	3.472.018.600	2.642.580.909	7.722.973.719	70.866.973.228
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.718.364.506	2.718.364.506
Tăng khác	-	-	460.000.000	461.957.227	-	921.957.227
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(5.701.926.000)	(5.701.926.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(2.021.585.831)	(2.021.585.831)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	57.029.400.000	-	3.932.018.600	3.104.538.136	2.717.826.394	66.783.783.130
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.392.095.084	3.392.095.084
Tăng khác	-	-	-	125.000.000	-	125.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(2.168.131.200)	(2.168.131.200)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	(549.695.194)	(549.695.194)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	57.029.400.000	-	3.932.018.600	3.229.538.136	3.392.095.084	67.583.051.820

(*): Tại ngày 01/06/2014, Công ty đã trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thường ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty theo Điều lệ hoạt động và theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/BB- HĐCĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014			01/01/2014		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	16.341.140.000	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	57.029.400.000	57.029.400.000	-	40.688.260.000	40.688.260.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	57.029.400.000	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.168.131.200	5.701.926.000

Cổ phiếu:

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	30/06/2014	01/01/2014
Quỹ đầu tư phát triển	3.932.018.600	3.932.018.600
Quỹ dự phòng tài chính	3.229.538.136	3.104.538.136

Mục đích trích lập các quỹ:

+ *Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.*

+ *Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước những rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.794.988.976	26.047.432.869
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.328.970.299</i>	<i>4.376.167.170</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>17.142.034.873</i>	<i>15.014.587.969</i>
<i>Doanh thu gia công</i>	<i>5.323.983.804</i>	<i>6.656.677.730</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.794.988.976	26.047.432.869
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>	<i>1.328.970.299</i>	<i>4.376.167.170</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>17.142.034.873</i>	<i>15.014.587.969</i>
<i>Doanh thu thuần hoạt động gia công</i>	<i>5.323.983.804</i>	<i>6.656.677.730</i>

12. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Giá vốn hàng hoá đã bán	1.261.856.167	4.366.579.146
Giá vốn gia công	5.102.773.180	4.917.159.129
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.612.783.950	6.823.607.136
Cộng	12.977.413.297	16.107.345.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****13. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	717.381.434	621.431.461
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.250.000	228.420.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	747.631.434	849.851.461

14. Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Chi phí tài chính khác	-	101.520.000
Cộng	-	101.520.000

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	997.508.096	1.226.642.505
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
Cộng	997.508.096	1.226.642.505

16. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.864.938.906	4.372.709.746
Chi phí nhân công	7.094.716.544	8.008.114.797
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.634.397.401	1.751.885.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.573.616.926	1.706.763.118
Chi phí khác bằng tiền	6.374.122.144	5.802.125.888
Cộng	19.541.791.921	21.641.599.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.392.095.084	3.457.731.975
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	3.392.095.084	3.457.731.975
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	595	606

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	5.702.940	5.702.940
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường là khoản tiền gửi. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tiền tệ

Công ty không có rủi ro tiền tệ do thực hiện các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)***Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng như số liệu đã trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.034.500.939	26.090.000.000	-	29.124.500.939
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	1.962.628.074	-	1.962.628.074
Tài sản tài chính khác	-	1.029.630.000	-	1.029.630.000
Cộng	3.034.500.939	29.082.258.074	-	32.116.759.013
Ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán và phải trả khác	-	6.683.876.628	-	6.683.876.628
Chi phí phải trả	-	50.948.333	-	50.948.333
Cộng	-	6.734.824.961	-	6.734.824.961
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.034.500.939	22.347.433.113	-	25.381.934.052
	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.774.236.503	17.490.000.000	-	21.264.236.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	4.140.356.332	-	4.140.356.332
Tài sản tài chính khác	-	197.930.000	-	197.930.000
Cộng	3.774.236.503	21.828.286.332	-	25.602.522.835
Ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán và phải trả khác	-	7.790.730.653	-	7.790.730.653
Chi phí phải trả	-	175.756.255	-	175.756.255
Cộng	-	7.966.486.908	-	7.966.486.908
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.774.236.503	13.861.799.424	-	17.636.035.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>30/06/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>30/06/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.124.500.939	21.264.236.503	29.124.500.939	21.264.236.503
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	1.802.969.462	3.474.232.752	1.802.969.462	3.474.232.752
Các khoản phải thu khác	159.658.612	666.123.580	159.658.612	666.123.580
Tài sản tài chính khác	1.029.630.000	197.930.000	1.029.630.000	197.930.000
	32.116.759.013	25.602.522.835	32.116.759.013	25.602.522.835
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	2.269.103.661	3.990.692.973	2.269.103.661	3.990.692.973
Chi phí phải trả	50.948.333	175.756.255	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.414.772.967	3.800.037.680	4.414.772.967	3.800.037.680
	6.734.824.961	7.966.486.908	6.683.876.628	7.790.730.653

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, ông Vũ Văn Thiệu - Tổng Giám đốc Công ty được nhận biết là bên liên quan của Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
Ông Vũ Văn Thiệu	Tổng Giám đốc	Thuê nhà	12.300.000

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
Tiền lương và phụ cấp	530.636.679	389.782.831
Tiền thưởng	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	530.636.679	389.782.831

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

Theo Biên bản họp số 05/BB – HĐQT ngày 09/06/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc (công ty mẹ), Công ty mẹ đang có kế hoạch bán Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II – công ty con nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa bán được.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.


NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014

VŨ VĂN THIẾU
Tổng Giám đốc